

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020**

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 24/02/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND Tỉnh về việc ban hành tiêu chí, thang điểm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách địa phương;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 117/STC-TTr ngày 12/01/2021 về việc thông báo Lịch thẩm định kết quả tự chấm điểm đánh giá việc Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2020; căn cứ tình hình thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Vũng Tàu;

UBND thành phố Vũng Tàu báo cáo kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 như sau:

**1. Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước:**

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 23/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020; UBND thành phố Vũng Tàu đã chủ động rà soát, sắp xếp để cắt giảm hoặc lùi thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, cấp bách; tiết giảm tối đa chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu...; cụ thể như sau:

- Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ: 62,116 tỷ đồng.

- Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức là: 13,475 tỷ đồng.

- Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo là: 0,452 tỷ đồng.

**2. Trong quản lý đầu tư XDCB:**

Các đơn vị tiến hành rà soát, bố trí lại việc đầu tư xây dựng với mức vốn đầu tư một số danh mục công trình, tập trung vào những công trình trọng tâm,



trọng điểm có khả năng hoàn thành trong năm. Tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước như:

- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán tiết kiệm được: 5,867 tỷ đồng;
- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán tiết kiệm được: 11,670 tỷ đồng;

### **3. Về mua sắm tài sản:**

UBND thành phố Vũng Tàu đã chủ động rà soát, sắp xếp để cắt giảm và thực hiện chi mua sắm trang thiết bị theo Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị theo quy định.

### **4. Trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ của cơ quan, tổ chức sử dụng kinh phí NSNN:**

Về cơ bản trong năm 2020, UBND thành phố Vũng Tàu chấp hành tốt các quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ của cơ quan, tổ chức làm việc trên tinh thần thực hành tiết kiệm, tránh lãng phí.

### **5. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên:**

Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh giải quyết các hồ sơ hành chính, khiếu nại, tranh chấp về đất đai. Thường xuyên hướng dẫn lập kế hoạch và đề án bảo vệ môi trường; kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ trên địa bàn thành phố.

### **6. Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa: 68.782 hộ;**

### **7. Trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP:**

UBND thành phố Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 6189/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 về việc phê duyệt Chương trình Kế hoạch thanh tra năm 2020 của thành phố Vũng Tàu; Chương trình số 429/KH-TTr ngày 08/11/2019 của Thanh tra Vũng Tàu về Kế hoạch công tác Thanh tra thành phố Vũng Tàu năm 2020; trong đó có lồng ghép nội dung thanh tra công tác thanh tra thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí xuyên suốt các cuộc thanh tra trong các Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV năm 2020 đối với các đơn vị trực thuộc UBND thành phố Vũng Tàu.

Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19 thực hiện giãn cách xã hội kéo dài do vậy, UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định 5326/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc điều chỉnh kế hoạch công tác thanh tra năm 2020 của Thanh tra thành phố Vũng Tàu, theo đó điều chỉnh giảm 04 (cuộc) thanh tra theo Kế hoạch thanh tra năm 2020 của Thanh tra thành phố Vũng Tàu đã được phê duyệt tại Quyết định số 6189/QĐ-UBND ngày 21/11/2019.

Trong năm 2020, thành phố Vũng Tàu thường xuyên tăng cường công tác chỉ đạo triển khai công tác thanh tra trách nhiệm Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc chấp hành pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và minh bạch tài sản, thu nhập, đảm bảo thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 của UBND thành phố Vũng Tàu./.

(Đính kèm các biểu kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020)

Nơi nhận: *ks*

- UBND Tỉnh BR-VT (báo cáo);
- Các Sở Tài chính, Nội vụ (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND TPVT;
- Phòng TC-KH (để biết);
- Lưu: VT-TH.

(K)



*ks*  
**Q. CHỦ TỊCH**

*ks*  
**Hoàng Vũ Thành**





**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ**

Kỳ báo cáo: năm 2020

(Đính kèm Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 20/01/2021 của UBND thành phố Vũng Tàu)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2019	Kế hoạch năm báo cáo 2020	Kết quả năm báo cáo 2020	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi & bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
1	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>		<b>79.055</b>	<b>62.116</b>	<b>62.116</b>	<b>79%</b>	<b>100%</b>	
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng	79.055	62.116	62.116	79%	100%	
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	<b>Sử dụng và thanh quyết toán NSNN</b>		<b>20.540</b>	<b>15.491</b>	<b>15.491</b>	<b>75%</b>	<b>100%</b>	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		2.250	2.016	2.016	90%	100%	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng						
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng						
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng						
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng						
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng						
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng						
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng						
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	2.250	2.016	2.016	90%	100%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng						
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	18.290	13.475	13.475	74%	100%	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	368,518	380,000	451,990	103%	119%	
2.6.1	Sự nghiệp giáo dục mầm non	triệu đồng	161,054	150,000	166,380	93%	111%	
2.6.2	Sự nghiệp giáo dục tiểu học	triệu đồng	43,594	180,000	217,260	413%	121%	
2.6.3	Sự nghiệp giáo dục trung học cơ sở	triệu đồng	163,870	50,000	68,350	31%	137%	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ</b>							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	110	106	106	96%	100%	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>							
1	<b>Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)</b>		<b>19</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>56%</b>	<b>56%</b>	
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ (04 chiếc xe ô tô phục vụ chung và 15 xe chuyên dùng)	chiếc	20	19	19	95%	100%	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ:	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý 01 xe ô tô của Phòng Văn hóa và Thông tin)	chiếc	1	0	0	0%		
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						

*Sal*



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2019	Kế hoạch năm báo cáo 2020	Kết quả năm báo cáo 2020	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
<b>II Tài sản khác</b>								
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
<b>3 Các nội dung khác</b>								
<b>IV Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</b>								
1	<b>Trong đầu tư xây dựng</b>		32.263	30.631	30.631	95%	100%	
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm: - Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán - Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh... - Thực hiện đầu tư, thi công - Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng	32.263 14.935 13.075 4.253	30.631 5.867 13.094 11.670	30.631 5.867 13.094 11.670	95% 39% 100% 274%	100% 100% 100% 100%	Tiết kiệm so với dự toán CĐT đề nghị phê duyệt
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	<b>Trụ sở làm việc</b>							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>	555.762,500	566.328,800	566.328,800	102%	100%	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>	0					
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	<b>Nhà công vụ</b>							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ (Nhà công vụ, 18 Trung Trắc, P1, TPVT)	m <sup>2</sup>	141,5	141,5	141,5	100%	100%	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
<b>4 Các nội dung khác</b>								
<b>V Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b>								
1	<b>Quản lý, sử dụng đất</b>							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m <sup>2</sup>						Không có
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m <sup>2</sup>						Không có
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	229,5	500,2	190,2	218%	38%	Theo QĐ ban hành
1.4	Các nội dung khác							
2	<b>Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác</b>							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						TPVT không có hoạt động khai thác các loại tài nguyên: Mỏ nước, khoáng sản
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	<b>Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được</b>							Không
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
<b>4 Các nội dung khác</b>								
<b>VI Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>								
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
<b>3 Các nội dung khác</b>								
<b>VII Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>								
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							

*Val*



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm 2019	Kế hoạch năm báo cáo 2020	Kết quả năm báo cáo 2020	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tân (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đấu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ	67.836	68.782	68.782	101%	100%	
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	1	6	5	500%	83%	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc	1	6	5	500%	83%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	11	11	11	100%	100%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	0					
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	0					
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	0					

\* CHÚ THÍCH:

- Số liệu Báo cáo năm tổng hợp từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.
- Cơ quan lập báo cáo căn cứ thực tế công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phạm vi trách nhiệm quản lý được giao để tổng hợp số liệu theo các mục tương ứng trong cột (2) "Nội dung" và các cột tương ứng với kỳ báo cáo.
- Việc xác định số liệu về tiết kiệm, lãng phí, vi phạm căn cứ trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Luật Thực hành, tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước ban hành./.